TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1321**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 1077/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Lê Danh T,** sinh ngày 11/03/1979
- **Nguyễn Thị X,** sinh ngày 21/03/1981

Cùng nơi thường trú: TDP V, phường T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2004 tại UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh T và chị X chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T và chị X cùng thỏa thuận ly hôn. Anh T và chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là: cháu Lê Danh T1, sinh ngày 22/10/2004 và cháu Lê Xuân B, sinh ngày 14/7/2011. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và chị X thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Xuân B cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị X tự nguyện chịu cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là: cháu Lê Danh T1, sinh ngày 22/10/2004 và cháu Lê Xuân B, sinh ngày 14/7/2011. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và chị X thỏa thuận và thống nhất: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Xuân B cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Danh T được quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Danh T và chị Nguyễn Thị X cùng khai anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị X tự nguyện nộp cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị X đã nộp 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình *(Biên lai số: 0001956 ngày 22/7/2026)* tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội. Xác nhận chị X đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Thảo